

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được bổ sung và sửa đổi lĩnh vực hàng không thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được bổ sung và sửa đổi lĩnh vực hàng không thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 3 năm 2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.*ngv*

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- Công TTĐT Bộ GTVT;
- Các Cảng vụ Hàng không;
- Lưu: VT, KSTTHC (03).



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

[Handwritten signature]
Lê Anh Tuấn

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
LĨNH VỰC HÀNG KHÔNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 274/QĐ-BGTVT
ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính được bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp trung ương			
1.	Thủ tục chuyên cảng hàng không nội địa thành cảng hàng không quốc tế	Hàng không	Bộ GTVT
2.	Thủ tục phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu tư phát triển, cải tạo, mở rộng cảng hàng không, sân bay hiện có	Hàng không	- Cục HKVN. - Bộ GTVT.
3.	Thủ tục phê duyệt bản vẽ tổng mặt bằng trong phạm vi ranh giới dự án được giao đầu tư	Hàng không	Cục HKVN
4.	Thủ tục phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác công trình	Hàng không	Cục HKVN

2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp trung ương					
1.	1.001369	Thủ tục Mở cảng hàng không, sân bay	Nghị định số 05/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/01/2021 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay	Hàng không	- Bộ GTVT. - Chính phủ.
2.	1.002890	Thủ tục đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong trường hợp cải tạo, mở rộng, sửa chữa kết cấu hạ tầng	Nghị định số 05/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/01/2021 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Cục HKVN
3.	1.002886	Thủ tục đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, sự cố, tai nạn hàng không và các tình huống bất thường khác uy hiếp đến an toàn hàng không, an ninh hàng không	Nghị định số 05/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/01/2021 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay	Hàng không	- Cảng vụ hàng không. - Cục HKVN. - Bộ GTVT.
4.	1.004711	Thủ tục chấp thuận phương án đảm bảo an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường đối với hoạt động xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong khu vực cảng hàng không, sân bay	Nghị định số 05/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/01/2021 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay	Hàng không	- Cảng vụ hàng không. - Cục HKVN.
5.	1.004709	Thủ tục đưa công trình, một phần công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay vào khai thác	Nghị định số 05/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/01/2021 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Cục HKVN
6.	1.004706	Thủ tục đóng tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay	Nghị định số 05/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/01/2021 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Cục HKVN
7.	1.004724	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay	Nghị định số 05/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/01/2021 về quản lý, khai thác cảng hàng	Hàng không	Cục HKVN

			không, sân bay		
8.	1.004719	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay	Nghị định số 05/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/01/2021 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Cục HKVN
9.	1.002880	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay	Nghị định số 05/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/01/2021 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Cục HKVN
10.	1.002897	Thủ tục Sửa đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay	Nghị định số 05/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/01/2021 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Cục HKVN
11.	1.004716	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay	Nghị định số 05/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/01/2021 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Cục HKVN
12.	1.002855	Thủ tục Sửa đổi Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay	Nghị định số 05/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/01/2021 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Cục HKVN
13.	1.002866	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay	Nghị định số 05/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/01/2021 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Cục HKVN
14.	1.004713	Thủ tục Phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác sân bay	Nghị định số 05/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/01/2021 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Cục HKVN
15.	1.004682	Thủ tục Cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không	Nghị định số 05/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/01/2021 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Bộ GTVT
16.	1.004674	Thủ tục Cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không	Nghị định số 05/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/01/2021 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Bộ GTVT

17.	1.004698	Thủ tục cấp Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay	Nghị định số 05/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/01/2021 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Cục HKVN
18.	1.004696	Thủ tục cấp lại Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay	Nghị định số 05/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/01/2021 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Cục HKVN
19.	1.002840	Thủ tục cấp bổ sung năng định Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay	Nghị định số 05/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/01/2021 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Cục HKVN
20.	1.002845	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không được sản xuất, lắp ráp, cải tiến tại Việt Nam	Nghị định số 05/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/01/2021 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Cục HKVN
21.	1.002884	Thủ tục cấp biển kiểm soát của phương tiện chuyên ngành hoạt động tại cảng hàng không, sân bay	Nghị định số 05/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/01/2021 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Cảng vụ hàng không

**PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

A. NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ BỔ SUNG

1. Thủ tục chuyển cảng hàng không nội địa thành cảng hàng không quốc tế

1.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Người khai thác cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị công bố cảng hàng không nội địa thành cảng hàng không quốc tế trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Bộ Giao thông vận tải.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Giao thông vận tải gửi văn bản lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Y tế.

- Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Bộ Giao thông vận tải, các bộ ngành có văn bản trả lời, trường hợp không đồng ý nhất phải nêu rõ lý do.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thống nhất của các bộ ngành, Bộ Giao thông vận tải quyết định công bố chuyển cảng hàng không nội địa thành cảng hàng không quốc tế. Trường hợp không chấp thuận, Bộ Giao thông vận tải có văn bản trả lời người đề nghị, nêu rõ lý do.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Hình thức phù hợp khác.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ đề nghị bao gồm các tài liệu sau:

- Văn bản đề nghị, bao gồm các nội dung: Tên cảng hàng không, sân bay; vị trí, quy mô, loại hình cảng hàng không, sân bay; cấp sân bay; thời gian đề nghị chuyển thành cảng hàng không quốc tế;

- Văn bản giải trình, chứng minh về việc đủ điều kiện chuyển cảng hàng không nội địa thành cảng hàng không quốc tế;

+ Phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc;

+ Cảng hàng không, sân bay đã được cấp sửa đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay đảm bảo phục vụ các chuyến bay quốc tế;

+ Cảng hàng không, sân bay đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê chuẩn vùng trời, đường bay và phương thức bay phục vụ khai thác các chuyến bay quốc tế.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Giao thông vận tải gửi văn bản lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Y tế.

- Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Bộ Giao thông vận tải, các bộ ngành có văn bản trả lời.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thống nhất của các bộ ngành, Bộ Giao thông vận tải quyết định công bố chuyển cảng hàng không nội địa thành cảng hàng không quốc tế.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người khai thác cảng hàng không, sân bay.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Giao thông vận tải.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Giao thông vận tải.

d) Cơ quan phối hợp: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Y tế.

1.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố chuyển cảng hàng không nội địa thành cảng hàng không quốc tế.

1.8. Phí, lệ phí: Không.

1.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không.

1.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Điều kiện cho phép chuyển cảng hàng không nội địa thành cảng hàng không quốc tế:

a) Phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc;

b) Cảng hàng không, sân bay đã được cấp sửa đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay đảm bảo phục vụ các chuyến bay quốc tế;

c) Cảng hàng không, sân bay đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê chuẩn vùng trời, đường bay và phương thức bay phục vụ khai thác các chuyến bay quốc tế.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/01/2021 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

2. Thủ tục phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu tư phát triển, cải tạo, mở rộng cảng hàng không, sân bay hiện có

2.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

- Trong vòng 180 ngày, kể từ ngày quy hoạch cảng hàng không, sân bay được phê duyệt, doanh nghiệp cảng hàng không chủ trì, phối hợp với doanh nghiệp bảo đảm hoạt động bay, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không và phi hàng không lập kế hoạch đầu tư phát triển, cải tạo, mở rộng cảng hàng không, sân bay, lấy ý kiến Bộ Công an trong trường hợp kế hoạch đầu tư phát triển, cải tạo, mở rộng cảng hàng không có các công trình thuộc danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia và gửi 01 bộ hồ sơ đến Cục Hàng không Việt Nam xem xét, thống nhất để trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt.

- Khi thay đổi về chủ trương, chính sách về đầu tư, phát triển cảng hàng không, sân bay hoặc doanh nghiệp cảng hàng không có nhu cầu, doanh nghiệp cảng hàng không rà soát, trình Cục Hàng không Việt Nam xem xét, thống nhất để trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu tư phát triển, cải tạo, mở rộng cảng hàng không, sân bay.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định, trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam phải có văn bản trả lời người đề nghị và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định của Cục Hàng không Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải xem xét, phê duyệt kế hoạch đầu tư phát triển, cải tạo, mở rộng cảng hàng không, sân bay. Trường hợp không phê duyệt, Bộ Giao thông vận tải phải có văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do.

2.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Hình thức phù hợp khác.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt kế hoạch đầu tư phát triển, cải tạo, mở rộng cảng hàng không, sân bay;

- Thuyết minh đánh giá nhu cầu, sự cần thiết đầu tư và kế hoạch đầu tư phát triển, cải tạo, mở rộng đối với từng hạng mục công trình;

- Bảng giải trình ý kiến của các cơ quan, đơn vị.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định, trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định của Cục Hàng không Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải xem xét, phê duyệt kế hoạch đầu tư phát triển, cải tạo, mở rộng cảng hàng không, sân bay.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Doanh nghiệp cảng hàng không (chủ trì); doanh nghiệp bảo đảm hoạt động bay, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không và phi hàng không (phối hợp).

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Giao thông vận tải.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Cục Hàng không Việt Nam.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam (thẩm định), Bộ Giao thông vận tải (phê duyệt).

d) Cơ quan phối hợp: Bộ Công an (trong trường hợp kế hoạch đầu tư phát triển, cải tạo, mở rộng cảng hàng không có các công trình thuộc danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia).

2.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định phê duyệt kế hoạch đầu tư phát triển, cải tạo, mở rộng cảng hàng không, sân bay.

2.8. Phí, lệ phí: Không.

2.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không.

2.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/01/2021 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

3. Thủ tục phê duyệt bản vẽ tổng mặt bằng trong phạm vi ranh giới dự án được giao đầu tư

3.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình tại cảng hàng không, sân bay tổ chức lập bản vẽ tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 trong phạm vi ranh giới dự án được cấp có thẩm quyền giao đầu tư và đề nghị Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm lấy ý kiến các đơn vị có liên quan, thẩm định và phê duyệt bản vẽ tổng mặt bằng trong phạm vi ranh giới dự án được giao đầu tư. Trường hợp từ chối phê duyệt, Cục Hàng không Việt Nam nêu rõ lý do.

3.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Hình thức phù hợp khác.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị phê duyệt bản vẽ tổng mặt bằng;
- Hồ sơ bản vẽ tổng mặt bằng, bao gồm: thuyết minh bản vẽ tổng mặt bằng và các bản vẽ có liên quan;
- Văn bản góp ý của các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Văn bản giải trình các ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị liên quan.

b) Số lượng hồ sơ: 10 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết: 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình tại cảng hàng không, sân bay.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam.
- d) Cơ quan phối hợp: Không.

3.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định phê duyệt bản vẽ tổng mặt bằng trong phạm vi ranh giới dự án được giao đầu tư.

3.8. Phí, lệ phí: Không.

3.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không.

3.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Chủ đầu tư được xây dựng công trình tại cảng hàng không, sân bay lập bản vẽ tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 đảm bảo phù hợp với quy hoạch cảng hàng không, sân bay, phù hợp với việc đấu nối hạ tầng kỹ thuật chung của cảng hàng không, sân bay.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/01/2021 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

4. Thủ tục phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác công trình

4.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Khi có sự thay đổi về các thông số kỹ thuật của các công trình, quy trình khai thác, cung cấp dịch vụ, người khai thác công trình phải tiến hành cập nhật vào các trang tu chỉnh của tài liệu khai thác công trình. Định kỳ một lần trong năm, người khai thác công trình rà soát và trình Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt lại tài liệu khai thác công trình khi có sự thay đổi liên quan đến các nội dung của tài liệu khai thác công trình.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định tài liệu khai thác công trình, phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối phê duyệt cho người đề nghị.

4.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Hình thức phù hợp khác.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị phê duyệt;
- Dự thảo nội dung sửa đổi, bổ sung tài liệu;
- Tài liệu chứng minh nội dung sửa đổi, bổ sung.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người khai thác công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay.

4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam.
- d) Cơ quan phối hợp: Không.

4.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định (hoặc Công văn) phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác công trình.

4.8. Phí, lệ phí: Không.

4.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không.

4.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/01/2021 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

B. NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ SỬA ĐỔI

1. Thủ tục mở cảng hàng không, sân bay

1.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Người khai thác cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị mở cảng hàng không, sân bay trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Bộ Giao thông vận tải.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 12 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị mở cảng hàng không, sân bay, Bộ Giao thông vận tải tổ chức thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định mở cảng hàng không, sân bay. Trường hợp không chấp thuận mở cảng hàng không, sân bay, Bộ Giao thông vận tải phải có văn bản trả lời người đề nghị, nêu rõ lý do.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Hình thức phù hợp khác.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị, bao gồm các nội dung: Tên cảng hàng không, sân bay; vị trí, quy mô, loại hình cảng hàng không, sân bay; cấp sân bay;
- Văn bản giải trình, chứng minh về việc đủ điều kiện mở cảng hàng không, sân bay:

+ Cảng hàng không, sân bay đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay theo quy định;

+ Cảng hàng không, sân bay đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê chuẩn vùng trời, đường bay và phương thức bay phục vụ khai thác sân bay.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 12 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người khai thác cảng hàng không, sân bay.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Bộ Giao thông vận tải (thẩm định).

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Giao thông vận tải (thẩm định), Thủ tướng Chính phủ hủ tướng Chính phủ (quyết định).

d) Cơ quan phối hợp: Không.

1.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định mở cảng hàng không, sân bay.

1.8. Phí, lệ phí: Không.

1.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không.

1.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Điều kiện cho phép mở cảng hàng không, sân bay:

- Cảng hàng không, sân bay đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay theo quy định;

- Cảng hàng không, sân bay đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê chuẩn vùng trời, đường bay và phương thức bay phục vụ khai thác sân bay.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/01/2021 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

2. Thủ tục đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong trường hợp cải tạo, mở rộng, sửa chữa kết cấu hạ tầng

2.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Người khai thác cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định và báo cáo kết quả thẩm định cho Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định việc đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay. Trường hợp không chấp thuận, Bộ Giao thông vận tải có văn bản trả lời người đề nghị, nêu rõ lý do.

2.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Hình thức phù hợp khác.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay bao gồm các thông tin: tên cảng hàng không, sân bay; lý do đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay; thời gian đóng cửa tạm thời cảng hàng không, sân bay;

- Quyết định phê duyệt dự án cải tạo, mở rộng, sửa chữa kết cấu hạ tầng của cơ quan có thẩm quyền;

- Phương án tổ chức thi công, biện pháp đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định và báo cáo kết quả thẩm định cho Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định việc đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay. Trường hợp không chấp thuận, Bộ Giao thông vận tải có văn bản trả lời người đề nghị, nêu rõ lý do.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người khai thác cảng hàng không, sân bay.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Giao thông vận tải.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Cục Hàng không Việt Nam.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam (thẩm định), Bộ Giao thông vận tải (quyết định).

d) Cơ quan phối hợp: Không.

2.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay.

2.8. Phí, lệ phí: Không.

2.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không.

2.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/01/2021 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

3. Thủ tục đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, sự cố, tai nạn hàng không và các tình huống bất thường khác uy hiếp đến an toàn hàng không, an ninh hàng không

3.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

- Người khai thác cảng hàng không, sân bay báo cáo ngay Cảng vụ hàng không đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, sự cố, tai nạn hàng không và các tình huống bất thường khác uy hiếp đến an toàn hàng không, an ninh hàng không trong thời gian không quá 24 giờ.

- Người khai thác cảng hàng không, sân bay báo cáo ngay Cục Hàng không Việt Nam về việc đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, sự cố, tai nạn hàng không và các tình huống bất thường khác uy hiếp đến an toàn hàng không, an ninh hàng không với thời gian đóng quá 24 giờ.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Trường hợp đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong thời gian không quá 24 giờ: Giám đốc Cảng vụ hàng không có trách nhiệm xem xét, ra quyết định đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong thời gian không quá 24 giờ và báo cáo Cục Hàng không Việt Nam.

- Trường hợp đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay với thời gian đóng quá 24 giờ:

+ Ngay khi nhận được báo cáo của Người khai thác cảng hàng không, sân bay, Cục Hàng không Việt Nam trình Bộ Giao thông vận tải đề nghị đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay;

+ Trong thời gian 24 giờ khi nhận được tờ trình của Cục Hàng không Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định việc đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay. Trường hợp không chấp thuận, Bộ Giao thông vận tải có văn bản trả lời người đề nghị, nêu rõ lý do.

3.2. Cách thức thực hiện: Hình thức phù hợp.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Báo cáo của người khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Tờ trình đề nghị đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay (*Trường hợp đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay với thời gian đóng quá 24 giờ*).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời gian không quá 24 giờ (Trường hợp đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong thời gian không quá 24 giờ).

- Trong thời gian 24 giờ khi nhận được tờ trình (Trường hợp đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay với thời gian đóng quá 24 giờ).

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người khai thác cảng hàng không, sân bay.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:

- Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong thời gian không quá 24 giờ: Cảng vụ hàng không.

- Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay với thời gian đóng quá 24 giờ: Bộ Giao thông vận tải.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Cục Hàng không Việt Nam.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:

- Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong thời gian không quá 24 giờ: Cảng vụ hàng không.

- Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay với thời gian đóng quá 24 giờ: Bộ Giao thông vận tải.

d) Cơ quan phối hợp: Cục Hàng không Việt Nam.

3.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay.

3.8. Phí, lệ phí: Không.

3.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không.

3.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/01/2021 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

4. Thủ tục chấp thuận phương án đảm bảo an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường đối với hoạt động xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong khu vực cảng hàng không, sân bay

4.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Chủ đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong khu vực cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận phương án đảm bảo an ninh, an toàn đối với hoạt động xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong khu vực cảng hàng không, sân bay đến Cục Hàng không Việt Nam hoặc Cảng vụ hàng không.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 12 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam hoặc Cảng vụ hàng không có trách nhiệm thẩm định, ban hành văn bản chấp thuận phương án đảm bảo an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường tại cảng hàng không, sân bay trong quá trình thi công. Trường hợp từ chối chấp thuận, phải thông báo bằng văn bản cho người đề nghị, nêu rõ lý do.

- Cục Hàng không Việt Nam chấp thuận phương án đảm bảo an ninh, an toàn đối với: hoạt động xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong khu vực cảng hàng không, sân bay có làm thay đổi phương án khai thác đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay, nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa hoặc làm thay đổi phương án khai thác hệ thống thiết bị đảm bảo hoạt động bay.

- Cảng vụ hàng không chấp thuận phương án đảm bảo an ninh, an toàn đối với hoạt động xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong khu vực cảng hàng không, sân bay trong thời gian giãn cách giữa các chuyến bay hoặc phương án thi công không làm thay đổi phương án khai thác đường cất hạ cánh, đường lăn sân đỗ tàu bay, nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa, phương án khai thác hệ thống thiết bị đảm bảo hoạt động bay.

4.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Hình thức phù hợp khác.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị chấp thuận;

- Phương án đảm bảo an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường tại cảng hàng không, sân bay trong quá trình thi công kèm phương án điều chỉnh khai thác đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay, nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa, phương án điều chỉnh khai thác hệ thống thiết bị đảm bảo hoạt động bay (nếu có);

- Thỏa thuận phương án đảm bảo an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường tại cảng hàng không, sân bay với cơ quan, đơn vị liên quan;

- Giấy phép xây dựng đối với các công trình thuộc đối tượng phải cấp giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết: 12 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong khu vực cảng hàng không, sân bay.

4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cảng vụ hàng không; Cục Hàng không Việt Nam.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cảng vụ hàng không; Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không.

4.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận.

4.8. Phí, lệ phí: Không.

4.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không.

4.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Đối với việc xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị dùng chung dân dụng và quân sự, đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay chủ đầu tư dự án phải phân tích, đánh giá các tác động đến hoạt động của quân sự và giải pháp hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động của quân sự trong hồ sơ đưa công trình vào khai thác hoặc hồ sơ đề nghị chấp thuận phương án đảm bảo an ninh, an toàn đối với hoạt động xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong khu vực cảng hàng không, sân bay.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/01/2021 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

5. Thủ tục đưa công trình, một phần công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay vào khai thác

5.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Người khai thác công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị đưa công trình, một phần công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay vào khai thác, trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam xem xét, quyết định việc đưa công trình, một phần công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay vào khai thác. Trong trường hợp không chấp thuận, Cục Hàng không Việt Nam phải có văn bản thông báo, nêu rõ lý do.

5.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Hình thức phù hợp khác.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị đưa công trình, một phần công trình vào khai thác bao gồm các thông tin: vị trí và phạm vi đưa vào sử dụng; thời gian đưa vào sử dụng phù hợp với quy định thông báo tin tức hàng không; các thông số kỹ thuật chính của hạng mục công trình; tuổi thọ công trình;

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng và văn bản thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hạng mục công trình, công trình đưa vào sử dụng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về xây dựng;

- Tài liệu khai thác công trình.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người khai thác công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay.

5.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không.

5.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định đưa công trình, một phần công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay vào khai thác.

5.8. Phí, lệ phí: Không.

5.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không.

5.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/01/2021 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

6. Thủ tục đóng tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay

6.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Người khai thác công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị đóng tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam xem xét, quyết định việc đóng tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay. Trong trường hợp không chấp thuận, Cục Hàng không Việt Nam phải có văn bản thông báo, nêu rõ lý do.

6.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Hình thức phù hợp khác.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình xin phép đóng cửa tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay bao gồm các thông tin: lý do đóng tạm thời; vị trí và phạm vi đóng tạm thời; thời gian đóng tạm thời phù hợp với quy định thông báo tin tức hàng không;

- Bản sao sơ đồ bản vẽ chi tiết khu vực đóng tạm thời;
- Phương án bảo đảm duy trì hoạt động liên quan đến công trình đóng tạm thời;
- Biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn liên quan đến công trình đóng tạm thời.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người khai thác công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay.

6.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam.
- d) Cơ quan phối hợp: Không.

6.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định đóng tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay.

6.8. Phí, lệ phí: Không.

6.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không.

6.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/01/2021 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

7. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay

7.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao quản lý cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, bao gồm các nội dung sau:

+ Cảng hàng không, sân bay được xây dựng phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc đã được phê duyệt;

+ Kết cấu hạ tầng của cảng hàng không, sân bay được xây dựng, nghiệm thu kỹ thuật phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định và năng lực khai thác;

+ Phương án xây dựng kết cấu hạ tầng của cảng hàng không, sân bay phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định đối với việc đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay đang xây dựng và năng lực khai thác.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày thẩm định, Cục Hàng không Việt Nam đăng ký cảng hàng không, sân bay vào Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay và cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

7.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Hình thức phù hợp khác.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay;
- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp hồ sơ qua đường bưu chính) quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao quản lý cảng hàng không, sân bay; chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu của chủ sở hữu cảng hàng không, sân bay là cá nhân;

- Bản sao quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư cảng hàng không, sân bay trong trường hợp xây mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cảng hàng không, sân bay;

- Bản sao tài liệu xác nhận kết cấu hạ tầng của cảng hàng không, sân bay đã hoàn thành các thủ tục nghiệm thu theo quy định về đầu tư xây dựng trong trường hợp xây mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cảng hàng không, sân bay.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

7.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày thẩm định, Cục Hàng không Việt Nam đăng ký cảng hàng không, sân bay vào Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay và cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ sở hữu, tổ chức.

7.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không.

7.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

7.8. Phí, lệ phí:

Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay:

- Đối với Cảng hàng không quốc tế: 70.000.000đ/lần cấp.

- Đối với Cảng hàng không khác: 40.000.000đ/lần cấp.

- Đối với sân bay trực thăng, sân bay chuyên dùng: 15.000.000đ/lần cấp.

7.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

7.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay bị thu hồi trong trường hợp không còn đáp ứng điều kiện để được cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/01/2021 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 08/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
V/v đề nghị cấp

....., ngày tháng năm

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam.

Căn cứ

Căn cứ

Công ty đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp/cấp lại giấy chứng nhận đăng ký/giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay tại cảng hàng không (sân bay)

Thông tin cụ thể như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế).
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Địa chỉ liên lạc: (tên người có trách nhiệm, địa chỉ thư tín, địa chỉ điện tử, điện thoại, fax).
4. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức).
5. Thông tin của người đại diện theo pháp luật (họ và tên, giới tính, dân tộc, số chứng minh thư nhân dân, nơi cấp, ngày cấp).
6. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).
7. Nội dung đề nghị¹: yêu cầu nêu rõ nội dung đề nghị và các thông tin kèm theo tùy theo từng nội dung đề nghị (xem phần ghi chú).

GIÁM ĐỐC

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

-

-

¹ Ghi chú:

Đối với đề nghị giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận đăng ký tạm thời: tên, địa chỉ của người đề nghị cấp; trường hợp là cá nhân ghi rõ (số, ngày/tháng/năm, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước cá nhân hoặc Hộ chiếu...); trường hợp là tổ chức ghi rõ (Quyết định thành lập cơ quan, tổ chức/Giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh nghiệp/tổ chức kinh tế...); tên cảng hàng không, sân bay; vị trí, tọa độ; cấp sân bay; mục đích khai thác, năng lực khai thác.

8. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay

8.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Trong trường hợp cảng hàng không, sân bay đang xây dựng, chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao quản lý cảng hàng không, sân bay nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, bao gồm các nội dung sau:

+ Cảng hàng không, sân bay được xây dựng phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc đã được phê duyệt;

+ Kết cấu hạ tầng của cảng hàng không, sân bay được xây dựng, nghiệm thu kỹ thuật phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định và năng lực khai thác;

+ Phương án xây dựng kết cấu hạ tầng của cảng hàng không, sân bay phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định đối với việc đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay đang xây dựng và năng lực khai thác.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày thẩm định, Cục Hàng không Việt Nam đăng ký cảng hàng không, sân bay vào Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay và cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

8.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Hình thức phù hợp khác.

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay;
- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp hồ sơ qua đường bưu chính) quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao quản lý cảng hàng không, sân

bay; chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu của chủ sở hữu cảng hàng không, sân bay là cá nhân;

- Bản sao quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư cảng hàng không, sân bay trong trường hợp xây mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cảng hàng không, sân bay;

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

8.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày thẩm định, Cục Hàng không Việt Nam đăng ký cảng hàng không, sân bay vào Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay và cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

8.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ sở hữu, tổ chức.

8.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không.

8.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay.

8.8. Phí, lệ phí: Không.

8.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay.

8.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Chậm nhất 60 ngày sau khi hoàn thành xây dựng, cảng hàng không, sân bay đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời phải được đăng ký theo quy định của Nghị định này.

8.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/01/2021 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
V/v đề nghị cấp

....., ngày tháng năm

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam.

Căn cứ

Căn cứ

Công ty đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp/cấp lại giấy chứng nhận đăng ký/giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay tại cảng hàng không (sân bay)

Thông tin cụ thể như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế).
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Địa chỉ liên lạc: (tên người có trách nhiệm, địa chỉ thư tín, địa chỉ điện tử, điện thoại, fax).
4. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức).
5. Thông tin của người đại diện theo pháp luật (họ và tên, giới tính, dân tộc, số chứng minh thư nhân dân, nơi cấp, ngày cấp).
6. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).
7. Nội dung đề nghị¹: yêu cầu nêu rõ nội dung đề nghị và các thông tin kèm theo tùy theo từng nội dung đề nghị (xem phần ghi chú).

GIÁM ĐỐC

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

-

-

Ghi chú:

Đối với đề nghị giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận đăng ký tạm thời: tên, địa chỉ của người đề nghị cấp; trường hợp là cá nhân ghi rõ (số, ngày/tháng/năm, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước cá nhân hoặc Hộ chiếu...); trường hợp là tổ chức ghi rõ (Quyết định thành lập cơ quan, tổ chức/Giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh nghiệp/tổ chức kinh tế...); tên cảng hàng không, sân bay; vị trí, tọa độ; cấp sân bay; mục đích khai thác, năng lực khai thác.

9. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay

9.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay bị mất, hỏng được đề nghị cấp lại. Người được cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay gửi đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn đề nghị theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam xem xét quyết định cấp lại giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp lại cho người đề nghị.

9.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Hình thức phù hợp khác.

9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

b) Số lượng hồ sơ: 01 đơn.

9.4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn đề nghị.

9.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

9.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không.

9.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

9.8. Phí, lệ phí:

Phí thẩm định cấp lại giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay:

- Đối với Cảng hàng không quốc tế: 5.000.000đ/lần cấp.
- Đối với Cảng hàng không khác: 5.000.000đ/lần cấp.

- Đối với sân bay trực thăng, sân bay chuyên dùng: 5.000.000đ/lần cấp.

9.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

9.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/01/2021 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 08/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
V/v đề nghị cấp

....., ngày tháng năm

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam.

Căn cứ

Căn cứ

Công ty đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp/cấp lại giấy chứng nhận đăng ký/giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay tại cảng hàng không (sân bay)

Thông tin cụ thể như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế).

2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Địa chỉ liên lạc: (tên người có trách nhiệm, địa chỉ thư tín, địa chỉ điện tử, điện thoại, fax).

4. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức).

5. Thông tin của người đại diện theo pháp luật (họ và tên, giới tính, dân tộc, số chứng minh thư nhân dân, nơi cấp, ngày cấp).

6. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).

7. Nội dung đề nghị¹: yêu cầu nêu rõ nội dung đề nghị và các thông tin kèm theo tùy theo từng nội dung đề nghị (xem phần ghi chú).

GIÁM ĐỐC

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

-

-

Ghi chú:

Đối với đề nghị giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận đăng ký tạm thời: tên, địa chỉ của người đề nghị cấp; trường hợp là cá nhân ghi rõ (số, ngày/tháng/năm, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước cá nhân hoặc Hộ chiếu...); trường hợp là tổ chức ghi rõ (Quyết định thành lập cơ quan, tổ chức/Giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh nghiệp/tổ chức kinh tế...); tên cảng hàng không, sân bay; vị trí, tọa độ; cấp sân bay; mục đích khai thác, năng lực khai thác.

10. Thủ tục sửa đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay

10.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Người được cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định việc sửa đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay; cấp mới giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay; thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đã cấp hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối sửa đổi.

10.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Hình thức phù hợp khác.

10.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị sửa đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay;
- Tài liệu chứng minh về các thay đổi được đề nghị sửa đổi.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

10.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

10.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người được cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

10.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam.
- d) Cơ quan phối hợp: Không.

10.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

10.8. Phí, lệ phí:

Phí thẩm định cấp sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay:

- Đối với Cảng hàng không quốc tế: 40.000.000đ/lần cấp.
- Đối với Cảng hàng không khác: 30.000.000đ/lần cấp.
- Đối với sân bay trực thăng, sân bay chuyên dùng: 5.000.000đ/lần cấp.

10.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị sửa đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

10.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Người được cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay phải cập nhật thông tin về những thay đổi của cảng hàng không, sân bay và đề nghị sửa đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay khi có sự thay đổi về:

- Tên, địa chỉ của chủ sở hữu hoặc Người khai thác cảng hàng không, sân bay;
- Tên cảng hàng không, sân bay;
- Vị trí, tọa độ điểm quy chiếu cảng hàng không, sân bay;
- Cấp sân bay;
- Mục đích khai thác;
- Năng lực khai thác tương ứng với loại tàu bay lớn nhất được phép khai thác tại cảng hàng không, sân bay.

10.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;
- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/01/2021 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.
- Thông tư số 193/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 08/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố:
V/v đề nghị cấp

....., ngày tháng năm

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam.

Căn cứ

Căn cứ

Công ty đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp/cấp lại giấy chứng nhận đăng ký/giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay tại cảng hàng không (sân bay)

Thông tin cụ thể như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế).
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Địa chỉ liên lạc: (tên người có trách nhiệm, địa chỉ thư tín, địa chỉ điện tử, điện thoại, fax).
4. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức).
5. Thông tin của người đại diện theo pháp luật (họ và tên, giới tính, dân tộc, số chứng minh thư nhân dân, nơi cấp, ngày cấp).
6. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).
7. Nội dung đề nghị¹: yêu cầu nêu rõ nội dung đề nghị và các thông tin kèm theo tùy theo từng nội dung đề nghị (xem phần ghi chú).

GIÁM ĐỐC

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

-
-**Ghi chú:**

Đối với đề nghị giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận đăng ký tạm thời: tên, địa chỉ của người đề nghị cấp; trường hợp là cá nhân ghi rõ (số, ngày/tháng/năm, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước cá nhân hoặc Hộ chiếu...); trường hợp là tổ chức ghi rõ (Quyết định thành lập cơ quan, tổ chức/Giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh nghiệp/tổ chức kinh tế...); tên cảng hàng không, sân bay; vị trí, tọa độ; cấp sân bay; mục đích khai thác, năng lực khai thác.

11. Thủ tục cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay

11.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Tổ chức được giao quản lý, khai thác hoặc cho thuê quyền khai thác hoặc được chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác các công trình thuộc kết cấu hạ tầng sân bay theo quy định của pháp luật (trừ các công trình do doanh nghiệp bảo đảm hoạt động bay quản lý, khai thác) gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định tài liệu khai thác sân bay và thông báo kết quả thẩm định tài liệu khai thác sân bay. Nội dung thẩm định tài liệu khai thác sân bay bao gồm các nội dung sau:

+ Các yếu tố bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không, tiêu chuẩn dịch vụ;

+ Việc đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật của sân bay theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy định của Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế;

+ Danh mục không đáp ứng (nếu có).

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu khai thác sân bay đã hoàn thiện theo văn bản thông báo kết quả thẩm định của Cục Hàng không Việt Nam, Cục Hàng không Việt Nam tổ chức kiểm chứng các điều kiện thực tế của sân bay đối với tài liệu khai thác. Trường hợp có sự khác biệt giữa số liệu, nội dung trong tài liệu khai thác sân bay với kết quả kiểm tra thực tế, Cục Hàng không Việt Nam thông báo cho người đề nghị biết và giải trình, bổ sung, hoàn thiện lại tài liệu khai thác sân bay theo kết quả kiểm tra thực tế.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc kiểm chứng các điều kiện thực tế của sân bay đối với tài liệu khai thác, Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp cho người đề nghị.

11.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Hình thức phù hợp khác.

11.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay;
- Tài liệu khai thác sân bay.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

11.4. Thời hạn giải quyết:

- Thẩm định: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.
- Kiểm chứng: 10 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu khai thác sân bay đã hoàn thiện theo văn bản thông báo kết quả thẩm định của Cục Hàng không Việt Nam.
- Cấp giấy chứng nhận: 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc kiểm chứng.

11.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

11.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam.
- d) Cơ quan phối hợp: Không.

11.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay.

11.8. Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay:
- Đối với Cảng hàng không quốc tế: 110.000.000đồng/lần cấp.
 - Đối với Cảng hàng không khác: 40.000.000đồng/lần cấp.
 - Đối với Sân bay trực thăng, sân bay chuyên dùng: 15.000.000đồng/lần cấp.

11.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay.

11.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/01/2021 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 08/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
 V/v đề nghị cấp

....., ngày tháng năm

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Căn cứ

Căn cứ

Công ty..... đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp/cấp lại giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay tại cảng hàng không (sân bay)

Thông tin cụ thể như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế).

2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Địa chỉ liên lạc: (tên người có trách nhiệm, địa chỉ thư tín, địa chỉ điện tử, điện thoại, fax).

4. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức).

5. Thông tin của người đại diện theo pháp luật (họ và tên, giới tính, dân tộc, số chứng minh thư nhân dân, nơi cấp, ngày cấp).

6. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).

7. Nội dung đề nghị: yêu cầu nêu rõ nội dung đề nghị và các thông tin kèm theo tùy theo từng nội dung đề nghị (xem phần ghi chú).

GIÁM ĐỐC

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

-
 -

¹ Ghi chú:

Đối với đề nghị giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không: tên, địa chỉ của người đề nghị cấp; trường hợp là cá nhân ghi rõ (số, ngày/tháng/năm, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước cá nhân hoặc Hộ chiếu...); trường hợp là tổ chức ghi rõ (Quyết định thành lập cơ quan, tổ chức/Giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh nghiệp/tổ chức kinh tế...); vị trí, tọa độ; cấp sân bay; mục đích khai thác, năng lực khai thác.

12. Thủ tục sửa đổi Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay

12.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Người khai thác cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt sửa đổi giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối phê duyệt cho người đề nghị.

12.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Hình thức phù hợp khác.

12.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị sửa đổi nội dung giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay;
- Tài liệu chứng minh về các thay đổi được đề nghị sửa đổi.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

12.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định.

12.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người khai thác cảng hàng không, sân bay.

12.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam.
- d) Cơ quan phối hợp: Không.

12.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay.

12.8. Phí, lệ phí:

Phí thẩm định cấp sửa đổi Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay:

- Đối với Cảng hàng không quốc tế: 70.000.000đồng/lần cấp.
- Đối với Cảng hàng không khác: 30.000.000đồng/lần cấp.
- Đối với Sân bay trực thăng, sân bay chuyên dùng: 5.000.000đồng/lần cấp.

12.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị sửa đổi nội dung giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay.

12.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay được sửa đổi trong các trường hợp thay đổi một trong các nội dung được ghi trong giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay.

12.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/01/2021 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 08/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
 V/v đề nghị cấp

....., ngày tháng năm

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Căn cứ

Căn cứ

Công ty..... đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp/cấp lại giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay tại cảng hàng không (sân bay)

Thông tin cụ thể như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế).

2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Địa chỉ liên lạc: (tên người có trách nhiệm, địa chỉ thư tín, địa chỉ điện tử, điện thoại, fax).

4. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức).

5. Thông tin của người đại diện theo pháp luật (họ và tên, giới tính, dân tộc, số chứng minh thư nhân dân, nơi cấp, ngày cấp).

6. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).

7. Nội dung đề nghị: yêu cầu nêu rõ nội dung đề nghị và các thông tin kèm theo tùy theo từng nội dung đề nghị (xem phần ghi chú).

GIÁM ĐỐC

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

-
 -

¹ **Ghi chú:**

Đối với đề nghị giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không: tên, địa chỉ của người đề nghị cấp; trường hợp là cá nhân ghi rõ (số, ngày/tháng/năm, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước cá nhân hoặc Hộ chiếu...); trường hợp là tổ chức ghi rõ (Quyết định thành lập cơ quan, tổ chức/Giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh nghiệp/tổ chức kinh tế...); vị trí, tọa độ; cấp sân bay; mục đích khai thác, năng lực khai thác.

13. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay

13.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Người khai thác cảng hàng không, sân bay gửi đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn đề nghị theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam xem xét, quyết định cấp lại giấy chứng nhận hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp lại cho người đề nghị.

13.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Hình thức phù hợp khác.

13.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay.

b) Số lượng hồ sơ: 01 đơn.

13.4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn đề nghị.

13.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người khai thác cảng hàng không, sân bay.

13.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không.

13.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận

13.8. Phí, lệ phí:

Phí thẩm định cấp lại Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay:

- Đối với Cảng hàng không quốc tế: 5.000.000đồng/lần cấp.
- Đối với Cảng hàng không khác: 5.000.000đồng/lần cấp.
- Đối với Sân bay trực thăng, sân bay chuyên dùng: 5.000.000đồng/lần cấp.

13.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay.

13.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay bị mất, rách, hỏng được đề nghị cấp lại.

- Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay bị thu hồi theo quy định tại khoản 4 Điều 51 của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam.

13.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/01/2021 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 08/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
 V/v đề nghị cấp

....., ngày tháng năm

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Căn cứ

Căn cứ

Công ty..... đề nghị Cục Hàng không Việt Nam
 cấp/cấp lại giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay tại cảng hàng không
 (sân bay)

Thông tin cụ thể như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
 hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch
 quốc tế).

2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Địa chỉ liên lạc: (tên người có trách nhiệm, địa chỉ thư tín, địa chỉ điện tử,
 điện thoại, fax).

4. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức).

5. Thông tin của người đại diện theo pháp luật (họ và tên, giới tính, dân tộc, số
 chứng minh thư nhân dân, nơi cấp, ngày cấp).

6. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).

7. Nội dung đề nghị: yêu cầu nêu rõ nội dung đề nghị và các thông tin kèm theo
 tùy theo từng nội dung đề nghị (xem phần ghi chú).

GIÁM ĐỐC

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

.....

.....

¹ Ghi chú:

Đối với đề nghị giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không: tên, địa chỉ của người đề nghị cấp; trường hợp là cá
 nhân ghi rõ (số, ngày/tháng/năm, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước cá nhân hoặc Hộ chiếu...);
 trường hợp là tổ chức ghi rõ (Quyết định thành lập cơ quan, tổ chức/Giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh
 nghiệp/tổ chức kinh tế...); vị trí, tọa độ; cấp sân bay; mục đích khai thác, năng lực khai thác.

14. Thủ tục phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác sân bay

14.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Người khai thác cảng hàng không, sân bay rà soát định kỳ mỗi năm một lần tài liệu khai thác sân bay hoặc khi được Cục Hàng không Việt Nam yêu cầu, khi có sự thay đổi liên quan đến các nội dung của tài liệu khai thác sân bay làm ảnh hưởng đến phương thức, quy trình khai thác, Người khai thác cảng hàng không, sân bay trình Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt lại tài liệu khai thác sân bay.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 08 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định tài liệu khai thác sân bay.

Trường hợp tài liệu khai thác sân bay không đủ điều kiện, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản thông báo kết quả thẩm định và đề nghị Người khai thác cảng hàng không, sân bay bổ sung, hoàn thiện lại tài liệu khai thác sân bay.

Trường hợp tài liệu khai thác sân bay đủ điều kiện, Cục Hàng không Việt Nam tổ chức kiểm chứng các điều kiện thực tế của sân bay theo các nội dung sửa đổi, bổ sung của tài liệu khai thác (nếu cần thiết); phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối phê duyệt cho người đề nghị.

14.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Hình thức phù hợp khác.

14.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị phê duyệt;
- Dự thảo nội dung sửa đổi, bổ sung tài liệu;
- Tài liệu chứng minh nội dung sửa đổi, bổ sung.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

14.4. Thời hạn giải quyết: 08 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

14.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người khai thác cảng hàng không, sân bay.

14.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không.

14.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác sân bay.

14.8. Phí, lệ phí: Không.

14.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không.

14.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Khi có sự thay đổi về các thông số kỹ thuật của các công trình, trang thiết bị trong sân bay, phương án vận hành khai thác tàu bay, quy trình khai thác, cung cấp dịch vụ trong sân bay, Người khai thác cảng hàng không, sân bay phải tiến hành cập nhật vào các trang tu chỉnh của tài liệu khai thác sân bay.

14.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/01/2021 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

15. Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không

15.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Tổ chức đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Bộ Giao thông vận tải và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin trong hồ sơ.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Giao thông vận tải tổ chức thẩm định, cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không; trường hợp không cấp Giấy phép phải gửi văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do.

15.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Hình thức phù hợp khác.

15.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không;
- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Bản sao tài liệu chứng minh về tổ chức bộ máy và nhân viên được cấp giấy phép, chứng chỉ phù hợp đáp ứng yêu cầu về chuyên môn khai thác cảng hàng không, sân bay theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng;
- Bản chính văn bản xác nhận vốn;
- Phương án về trang bị, thiết bị, phương tiện và các điều kiện cần thiết khác để bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

15.4. Thời hạn giải quyết: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

15.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Giao thông vận tải.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Giao thông vận tải.

d) Cơ quan phối hợp: Không.

15.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép kinh doanh cảng hàng không.

15.8. Phí, lệ phí: Không.

15.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không.

15.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

15.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/01/2021 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề nghị cấp/cấp lại Giấy phép
kinh doanh cảng hàng không**TỜ KHAI CẤP/CẤP LẠI GIẤY PHÉP KINH DOANH CẢNG HÀNG KHÔNG**

Kính gửi: Bộ Giao thông vận tải

Căn cứ

Căn cứ

Công ty..... đề nghị Bộ Giao thông vận tải cấp/cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không với các nội dung chi tiết như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế).

2. Mã số doanh nghiệp:

3. Địa chỉ trụ sở chính:

4. Địa chỉ liên lạc: (tên người có trách nhiệm, địa chỉ thư tín, địa chỉ điện tử, điện thoại, fax).

5. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức).

6. Thông tin của người đại diện theo pháp luật (họ và tên, giới tính, dân tộc, số chứng minh thư nhân dân (hoặc thẻ căn cước), nơi cấp, ngày cấp).

7. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).

8. Nội dung đề nghị: đề nghị cấp/cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không.

GIÁM ĐỐC

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

-

-

16. Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không

16.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Tổ chức gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Bộ Giao thông vận tải và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin trong hồ sơ.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Đối với Giấy phép cấp lại do thay đổi nội dung: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Giao thông vận tải cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không; trường hợp không cấp Giấy phép phải gửi văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do.

- Đối với Giấy phép cấp lại do bị mất, hỏng: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp lại Giấy phép hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp Giấy phép cho người đề nghị.

16.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Hình thức phù hợp khác.

16.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không;
- Các tài liệu có liên quan đối với trường hợp thay đổi nội dung Giấy phép (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

16.4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với Giấy phép cấp lại do thay đổi nội dung: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Đối với Giấy phép cấp lại do bị mất, hỏng: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị.

16.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

16.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Giao thông vận tải.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Giao thông vận tải.

d) Cơ quan phối hợp: Không.

16.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép kinh doanh cảng hàng không.

16.8. Phí, lệ phí: Không.

16.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không.

16.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

16.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/01/2021 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

TÊN DOANH NGHIỆP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề nghị cấp/cấp lại Giấy phép
kinh doanh cảng hàng không**TỜ KHAI CẤP/CẤP LẠI GIẤY PHÉP KINH DOANH CẢNG HÀNG KHÔNG**

Kính gửi: Bộ Giao thông vận tải

Căn cứ

Căn cứ

Công ty..... đề nghị Bộ Giao thông vận tải cấp/cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không với các nội dung chi tiết như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế).

2. Mã số doanh nghiệp:

3. Địa chỉ trụ sở chính:

4. Địa chỉ liên lạc: (tên người có trách nhiệm, địa chỉ thư tín, địa chỉ điện tử, điện thoại, fax).

5. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức).

6. Thông tin của người đại diện theo pháp luật (họ và tên, giới tính, dân tộc, số chứng minh thư nhân dân (hoặc thẻ căn cước), nơi cấp, ngày cấp).

7. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).

8. Nội dung đề nghị: đề nghị cấp/cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không.

Nơi nhận:

-

-

GIÁM ĐỐC

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

17. Thủ tục cấp giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay

1.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Tổ chức quản lý, sử dụng nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay đối với trường hợp cấp lần đầu trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 18 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, tổ chức sát hạch, quyết định cấp Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp Giấy phép cho tổ chức đề nghị.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Hình thức phù hợp khác.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kèm danh sách nhân viên được đề nghị;
- Bản khai cá nhân của người đề nghị cấp Giấy phép có dán ảnh màu kích thước 3 cm x 4 cm được đóng dấu giáp lai của đơn vị đề nghị và 01 ảnh màu kích thước 3 cm x 4 cm chụp không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ;
- Bản sao giấy phép lái xe cơ giới đường bộ phù hợp (đối với trường hợp nhân viên điều khiển phương tiện);
- Chứng chỉ chuyên môn theo quy định.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 18 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức quản lý, sử dụng nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay;

- Nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không.

1.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay.

1.8. Phí, lệ phí:

Phí sát hạch đủ điều kiện cấp giấy phép nhân viên hàng không:

- Sát hạch lý thuyết:

+ Sát hạch cấp giấy phép lần đầu: 600.000đồng/lần.

- Sát hạch thực hành: 250.000đồng/lần.

1.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kèm danh sách nhân viên được đề nghị;

- Bản khai cá nhân của người đề nghị cấp Giấy phép.

1.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/01/2021 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 08/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp/Cấp lại/Bổ sung năng định giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

1. Tên đầy đủ của tổ chức: theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế:
.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:
.....

3. Thông tin người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên:..... Chức vụ:

4. Thông tin liên hệ: (tên người có trách nhiệm, điện thoại, địa chỉ email)

Đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp/cấp lại/bổ sung năng định Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay cho (số lượng:.....) nhân viên của Công ty (có danh sách và hồ sơ nhân viên kèm theo).

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký tên, đóng dấu)

Ảnh màu 3x4
(dấu giáp lai
đóng kèm)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI CÁ NHÂN

Cấp/Cấp lại Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay

Họ và tên (Chữ in hoa có dấu)..... Nam/Nữ:.....
 Ngày sinh:..... Quốc tịch:
 Địa chỉ thường trú:
 Số CMTND (Thẻ căn cước công dân):..... Ngày cấp:.....
 Cơ quan công tác:
 Chứng chỉ chuyên môn:
 1..... Do cơ sở:..... Cấp ngày:.....
 2..... Do cơ sở:..... Cấp ngày:.....
 3..... Do cơ sở:..... Cấp ngày:.....
 Điện thoại liên hệ :
 Số Giấy phép NVHK đã được cấp (nếu có):..... Ngày cấp:
 Lý do (trường hợp đề nghị cấp lại Giấy phép):

Xác nhận của tổ chức
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

....., ngày.....tháng.....năm.....
Người làm đơn

18. Thủ tục cấp lại Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay

18.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Tổ chức quản lý, sử dụng nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Đối với trường hợp cấp lại khi Giấy phép còn hiệu lực dưới 60 ngày hoặc giấy phép hết thời hạn hiệu lực của Giấy phép: Trong thời hạn 18 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, tổ chức sát hạch, quyết định cấp Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp Giấy phép cho tổ chức đề nghị.

- Đối với trường hợp cấp lại khi Giấy phép bị mất, hỏng: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam quyết định cấp lại Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của Cảng hàng không, sân bay cho tổ chức đề nghị.

- Đối với trường hợp cấp lại khi có sự thay đổi về tổ chức sử dụng nhân viên hàng không: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam quyết định cấp lại Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối Cấp Giấy phép cho tổ chức đề nghị.

18.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Hình thức phù hợp khác.

18.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đối với trường hợp cấp lại khi Giấy phép còn hiệu lực dưới 60 ngày hoặc giấy phép hết thời hạn hiệu lực của Giấy phép, hồ sơ bao gồm:

- + Đơn đề nghị cấp Giấy phép kèm danh sách nhân viên được đề nghị;

+ Bản khai cá nhân của người đề nghị cấp Giấy phép có dán ảnh màu kích thước 3 cm x 4 cm được đóng dấu giáp lai của đơn vị đề nghị và 01 ảnh màu kích thước 3 cm x 4 cm chụp không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ;

+ Bản sao giấy phép lái xe cơ giới đường bộ phù hợp (đối với trường hợp nhân viên điều khiển phương tiện);

+ Tài liệu chứng minh nhân viên được đào tạo định kỳ hoặc đào tạo phục hồi theo quy định;

- Đối với trường hợp cấp lại khi Giấy phép bị mất, hỏng, hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép kèm danh sách nhân viên được đề nghị;

- Đối với trường hợp cấp lại khi có sự thay đổi về tổ chức sử dụng nhân viên hàng không, hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép kèm danh sách nhân viên được đề nghị;

+ Bản sao Quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động của tổ chức sử dụng lao động trước đó, bản sao Hợp đồng lao động của tổ chức tiếp nhận và bản sao Giấy phép được Cục Hàng không Việt Nam cấp còn hiệu lực.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

18.4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với trường hợp cấp lại khi Giấy phép còn hiệu lực dưới 60 ngày hoặc giấy phép hết thời hạn hiệu lực của Giấy phép: 18 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Đối với trường hợp cấp lại khi Giấy phép bị mất, hỏng và trường hợp cấp lại khi có sự thay đổi về tổ chức sử dụng nhân viên hàng không: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

18.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

18.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không.

18.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay.

18.8. Phí, lệ phí:

Phí sát hạch đủ điều kiện cấp giấy phép nhân viên hàng không:

- Sát hạch lý thuyết:

+ Sát hạch cấp lại giấy phép: 400.000đồng/lần.

18.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kèm danh sách nhân viên được đề nghị;

- Bản khai cá nhân của người đề nghị cấp Giấy phép.

18.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay được đề nghị cấp lại trong các trường hợp sau:

+ Giấy phép còn hiệu lực dưới 60 ngày hoặc giấy phép hết thời hạn hiệu lực của Giấy phép;

+ Giấy phép bị mất, hỏng;

+ Có sự thay đổi về tổ chức sử dụng nhân viên hàng không.

18.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/01/2021 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 08/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp/Cấp lại/Bổ sung năng định giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

1. Tên đầy đủ của tổ chức: theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế):

.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:

.....

3. Thông tin người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên:..... Chức vụ:

4. Thông tin liên hệ: (tên người có trách nhiệm, điện thoại, địa chỉ email)

Đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp/cấp lại/bổ sung năng định Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay cho (số lượng:.....) nhân viên của Công ty (có danh sách và hồ sơ nhân viên kèm theo).

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký tên, đóng dấu)

Ảnh màu 3x4
(dấu giáp lai
đóng kèm)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI CÁ NHÂN

Cấp/Cấp lại Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay

Họ và tên (Chữ in hoa có dấu)..... Nam/Nữ:.....
 Ngày sinh:..... Quốc tịch:
 Địa chỉ thường trú:
 Số CMTND (Thẻ căn cước công dân):..... Ngày cấp:.....
 Cơ quan công tác:
 Chứng chỉ chuyên môn:
 1..... Do cơ sở:..... Cấp ngày:.....
 2..... Do cơ sở:..... Cấp ngày:.....
 3..... Do cơ sở:..... Cấp ngày:.....
 Điện thoại liên hệ :
 Số Giấy phép NVHK đã được cấp (nếu có):..... Ngày cấp:
 Lý do (trường hợp đề nghị cấp lại Giấy phép):

Xác nhận của tổ chức
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

....., ngày.....tháng.....năm.....
Người làm đơn

19. Thủ tục cấp bổ sung năng định Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay

19.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Tổ chức đề nghị cấp bổ sung năng định giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, quyết định cấp bổ sung năng định hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp cho tổ chức đề nghị.

19.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Hình thức phù hợp khác.

19.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp bổ sung năng định kèm danh sách nhân viên được đề nghị;
- Bản sao giấy phép lái xe cơ giới đường bộ phù hợp (đối với trường hợp nhân viên điều khiển phương tiện);
- Chứng chỉ chuyên môn theo quy định.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

19.4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

19.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

19.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam.
- d) Cơ quan phối hợp: Không.

19.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Năng định Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay.

19.8. Phí, lệ phí:

Phí sát hạch đủ điều kiện cấp giấy phép nhân viên hàng không:

- Sát hạch lý thuyết:

+ Sát hạch bổ sung năng định: 400.000đồng/lần.

19.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị cấp bổ sung năng định kèm danh sách nhân viên được đề nghị.

19.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

19.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/01/2021 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 08/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

TÊN CƠ QUAN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: , ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp/Cấp lại/Bổ sung năng định giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

1. Tên đầy đủ của tổ chức: theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế):

.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:

.....

3. Thông tin người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: Chức vụ:

4. Thông tin liên hệ: (tên người có trách nhiệm, điện thoại, địa chỉ email)

Đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp/cấp lại/bổ sung năng định Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay cho (số lượng:.....) nhân viên của Công ty (có danh sách và hồ sơ nhân viên kèm theo).

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký tên, đóng dấu)

20. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không được sản xuất, lắp ráp, cải tiến tại Việt Nam

20.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Người đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không được sản xuất, lắp ráp, cải tiến tại Việt Nam gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện các công việc kiểm tra, thử nghiệm cần thiết, quyết định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp giấy chứng nhận cho người đề nghị.

- Công việc kiểm tra, thử nghiệm bao gồm các công việc sau:

+ Xác định tính hiệu lực và phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, môi trường được nhà sản xuất áp dụng để chế tạo sản phẩm;

+ Kiểm tra thực tế sản phẩm; kiểm tra kết quả nghiệm thu;

+ Thẩm định các chỉ tiêu, thông số, giới hạn, tính năng kỹ thuật cần thiết chứng minh việc đáp ứng hoặc phù hợp của sản phẩm, với các yêu cầu, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng; bao gồm cả thông tin về vật liệu và quy trình, phương pháp chế tạo, lắp ráp sản phẩm;

+ Kiểm tra kết quả kiểm tra, thử nghiệm, đánh giá sản phẩm theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng; trong trường hợp cần thiết, thực hiện hoặc yêu cầu người đề nghị cấp giấy chứng nhận thuê tổ chức độc lập đủ khả năng thực hiện các kiểm tra, thử nghiệm cần thiết để kiểm chứng việc tuân thủ các yêu cầu, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng;

+ Kiểm tra kết quả khai thác thử.

20.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc

- Qua hệ thống bưu chính; hoặc

- Hình thức phù hợp khác.

20.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không, trong đó mô tả sản phẩm và các chỉ tiêu, thông số, giới hạn, tính năng kỹ thuật chính;

- Bản sao tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng;
- Bản sao các tài liệu liên quan: thiết kế kỹ thuật và chi tiết; vật liệu; phương pháp và quy trình sản xuất; hướng dẫn lắp đặt, khai thác, bảo dưỡng; lắp ráp của sản phẩm; chỉ tiêu, thông số, giới hạn, tính năng kỹ thuật chính;
- Bản sao biên bản nghiệm thu bàn giao hoặc nghiệm thu hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng;
- Bản sao biên bản kiểm tra, thử nghiệm, đánh giá sản phẩm theo tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng do cơ sở kiểm tra, thử nghiệm đủ điều kiện theo quy định của pháp luật thực hiện;
- Báo cáo kết quả khai thác thử theo các chỉ tiêu, thông số, giới hạn, tính năng kỹ thuật của sản phẩm.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

20.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định.

20.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không được sản xuất, lắp ráp, cải tiến tại Việt Nam.

20.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam
- d) Cơ quan phối hợp: Không.

20.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không được sản xuất, lắp ráp, cải tiến tại Việt Nam.

20.8. Phí, lệ phí:

Phí kiểm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật các phương tiện thiết bị hàng không sản xuất mới đưa vào sử dụng:

- Thiết bị đồng bộ: 30.000.000đồng/lần;
- Thiết bị lẻ, vật tư khác: 5.000.000đồng/lần.

20.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không.

20.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

20.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/01/2021 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 08/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

21. Thủ tục cấp biển kiểm soát của phương tiện chuyên ngành hoạt động tại cảng hàng không, sân bay

21.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp biển kiểm soát của phương tiện chuyên ngành hoạt động tại cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ hàng không.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cảng vụ hàng không cấp biển kiểm soát cho phương tiện hoặc có văn bản thông báo lý do từ chối cấp biển kiểm soát cho phương tiện.

21.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Hình thức phù hợp khác.

21.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp biển kiểm soát, trong đó nêu rõ nhu cầu sử dụng phương tiện; năm sản xuất, số seri của phương tiện; phương tiện đã qua sử dụng hoặc chưa qua sử dụng;

- Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật, bảo vệ môi trường.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

21.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

21.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

21.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cảng vụ hàng không.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cảng vụ hàng không
- d) Cơ quan phối hợp: Không.

21.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Biển kiểm soát của phương tiện.

21.8. Phí, lệ phí: Không.

21.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không.

21.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

21.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/01/2021 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.